

QUẦN ĐẢO HOÀNG-SA

★ HOÀNG XUÂN-HÂN

Quần-đảo Hoàng-sa là đất của Việt-Nam, hoặc nói cho hợp hơn, là đất của Đại-Việt từ khi dân Việt định-cư ở phủ Tư-nghĩa, tức là đất Quảng-Ngãi ngày nay.

Bút chứng cũ nhất và đầy-đủ nhất thấy trong sách *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý-Đôn soạn vào năm 1776, với những tư-liệu của các chúa Nguyễn. Sau đó, các sử-gia, địa-gia đời vua Nguyễn đều dựa theo đó và thêm-thắt việc mới vào. Về đồ vẽ, các « bản đồ » và « lộ-đồ » đời Lê cũng có ghi một cách sơ-sài cái « bãi cát vàng » hoặc « bãi Trường-sa » ấy.

Sáu đây tôi sẽ trích văn dịch từ bản của Viện Sử-học Hà-nội xuất-bản năm 1964 (Hoàng Lộc dịch, nhà xuất-bản Khoa-học phát-hành). Muốn cho văn dịch rõ nghĩa, tôi có sửa chắm câu và có thêm một vài chữ đề trong hai dấu ngoặc.

Trích văn gồm hai đoạn, một ngắn, một dài.

Đoạn đầu, trang 119 :

« *Phủ Quảng-ngãi, ở ngoài cửa biển xã An-vĩnh, huyện Bình-sơn; có núi gọi là Cù-lao Ré, rộng hơn 30 dặm. Trước có phòng Tứ-chính, dân cư trồng đậu. Ra biển bốn canh thì đến.*

« *Phía ngoài nữa lại có đảo Đại-tràng-sa. Trước kia có nhiều hải-vật và những hóa-vật của tàu (bị đắm), (đã) lập đội Hoàng-sa để lấy. Đi ba ngày đêm thì mới đến. (Ấy) là chỗ gần xứ (không đúng ý) Bắc-hải. »*

Đoạn sau, trang 123.

« *Phủ Quảng-ngãi, huyện Bình-sơn có xã An-vĩnh ở gần biển. Ngoài biển về phía Đông-bắc có nhiều cù-lao, các núi linh-tinh hơn 130 ngọn, cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày, hoặc vài canh thì đến. Trên núi có chỗ có suối nước ngọt.*

« *Trong đảo có bãi cát vàng dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Bên đảo có vô-số yến-sào. Các thứ chim có hàng nghìn hàng vạn, thấy người thì đậu vòng quanh không tránh. Bên bãi vật lạ rất nhiều. Ốc vẫn thì có ốc tai voi, to như chiếc chiếu, bụng có hạt to.*

bằng đầu ngón tay, sắc đục, không như ngọc trai, các vỏ có thể đeo làm tấm bài được, lại có thể nung vôi xây nhà. Có ốc xà-cừ, để khảm đồ dùng. Lại có ốc hương. Các thứ ốc đều có thể muối và nấu ăn được.

« Đồi-mồi thì rất lớn. Có con hải-ba, tục gọi là tãrg bông, (hình) giống đồi-mồi mà nhỏ, vỏ mỏng có thể khảm đồ dùng. Trứng bằng đầu ngón tay cái, muối ăn được. Có hải-sâm tục gọi là con đột-đột, bơi lội ở bên bãi. Lấy về, dùng vôi xát qua, bỏ ruột, phơi khô. Lúc ăn thì ngâm nước cua đồng cạo sạch đi ; nấu với tằm và thịt lợn càng tốt.

« Các thuyền ngoại-phiên bị bão thường đậu ở đảo này. Trước, họ Nguyễn-đặt đội Hoàng-sa 70 suất, lấy người xã An-vĩnh sung vào. Cắt phiên, mỗi năm cứ tháng 2, nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng. Đi bằng năm chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Ở đấy, tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hóa-vật của tàu (đám), như gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lược vỏ đồi-mồi, vỏ hải-ba, hải-sâm, hạt ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào Cửa Eo đến thành Phú-xuân để nộp. Cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải-ba, hải-sâm, rồi lĩnh bằng, trở về. Lương được nhiều ít không nhất-định. Cũng có khi về người không.

« Tôi đã xem sổ của một cai-đội cũ là Thuyền-đức hầu, biên rằng : « Năm Nhâm-ngọ (1762) lượm được 30 hốt bạc (12 Ki-lô) ; Năm Giáp-thân (1764) được 5100 cân thiếc (3 tấn, 24) ; năm Ất-dậu được 126 hốt bạc ; từ năm Kì-sửu đến năm Quý-tị (1769-1773) năm năm ấy, mỗi năm chỉ được mấy tấm đồi mồi, hải-ba. Cũng có năm được khối thiếc, bát sứ và hai khẩu súng đồng mà thôi ».

« Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc-hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ-chính ở Bình-thuận (trên kia có phường Tứ-chính ở Cù-lao Ré) hoặc người xã Cảnh-dương (ở Quảng-bình?) ai tình-nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuân, đò. Cho đi thuyền câu nhỏ ra xứ Bắc-hải, cù-lao Côn-lôn và các đảo ở Hà-tiên, tìm lượm vật của tàu (đám) và các thứ đồi-mồi, hải-ba, bào-ngư, hải-sâm. Cũng sai cai-đội Hoàng-sa cai quản. Chẳng qua là lấy các thứ hải-vật, còn vàng bạc, của quý, ít khi lấy được.

« Hoàng-sa chính gần phủ Liêm-châu đảo Hải-nam. Người đi thuyền có lúc gặp thuyền đánh cá Bắc-quốc, hỏi nhau ở trong biển. Tôi đã thấy một đạo công-văn của quan chánh-đường huyện Văn-xương (thuộc) Quỳnh-châu gửi cho Thuận-hóa nói rằng « Năm Kiền-long thứ 18 (1753), có 10 tên quân-nhân xã An-vĩnh, đội Cát-liêm, huyện Chương-nghia, phủ Quảng-ngãi, nước An-nam, ngày tháng 7 đến Vạn-lý Tràng-sa tìm

kiếm cát thứ. Có 8 tên lên bờ tìm kiếm, chỉ 2 tên giữ thuyền, bị gió đứt dây thuyền, giạt vào Thanh-lan cảng. Quan ở đây xét thật, đưa trả về nguyên-quán. Nguyễn Phúc-Chu sai cai-bạ Thuận-lôa là Thức-lượng-hầu làm thư trả lời ».

(Hết lời Lê Quý Đôn)

Về vụ cuối này, sách *Đại-Nam Thập-Lục Tiên-biên* quyển 10, trang 24 bản khắc của Quốc-sử-quán, soạn vào đời Minh-mạng có chép sơ-lược hơn. Chính-văn dịch như sau :

« Năm Giáp-tuất (1754 chứ không phải 1753) mùa thu tháng 7, dân đội Hoàng-sa tước Quảng-ngãi cưỡi thuyền đi quần-đảo Hoàng-sa, gặp gió to, giạt vào hải phận Quỳnh-châu thuộc nước Thanh. Quan tổng-đốc nước Thanh cấp cho hậu và sai đưa về. Chúa sai viết thư gửi trả lời »

So với lời Lê Quý-Đôn, thì cái thời-điểm tháng 7 năm Giáp-tuất là lúc trả lời, một năm sau khi thuyền đội Hoàng-sa bị nạn. Trong sách *Thập-Lục* có thêm chi-thức về quần-đảo và đội Hoàng-sa. Lời gần như trích ở sách *Phủ-biên* nhưng rút ngắn. Có thêm rằng « tên tục là bãi Vạn-lí Tràng-sa ».

Sách *Hoàng-việt Địa-dư chí*, bản khắc năm 1833, tức là phần *Dư-địa chí* của tập *Lịch Triều Hiến-chương loại-chí* tác-giả là Phan Huy-Chú, cũng đã lược văn của Lê Quý-Đôn mà viết hai mục *Bãi Hoàng-sa* và *Đội Hoàng-sa* trong phần viết về phủ Tư-nghĩa (quyển 1 trang 10b)

Các bản đồ vẽ đất ta đời Lê (xem phụ trương) tuy rất sơ-sai và bất-xác, nhưng đã muốn ghi rõ đất Hoàng-sa. Những bản-đồ ấy chắc cùng có một gốc trước khi Nguyễn Hoàng vào Thuận-hóa, có lẽ từ đời Lê Thánh-tông. Nhưng những bản còn lại ngày nay đều có thêm những sự thay đổi sau khi Trịnh Nguyễn phân-tranh, nhất là những dinh lũy của hai họ xây dựng trên đất Nam-Nghệ-an và Bắc Quảng-bình. Các bản đồ ấy đều vẽ trên bề trước đất Quảng-ngãi một dải đất dài có đề tên hoặc *Đại-Tràng-Sa* hoặc *Bãi Cát vàng*. (Xem các bản đồ phụ trương). Theo những bản vẽ thì nó ở áp gần các cửa sông *Tam-kì*, sông *Trà-khúc*, sông *Vệ*, hình như một bãi cát lớn. Nhưng sự thật thì, như thấy rõ trong các bản-đồ ngày nay, trông khoảng bờ bề Việt-nam này không có bãi cát dài như những bãi *Tiểu-Tràng-sa* và *Đại-Tràng-sa* dọc các tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị và Thừa-thiên. Henri Maspéro có để lại một sách *Toản-tập Thiên-nam lộ đồ* (các Bản khắc có thêm hai chữ *Tứ chí* nghĩa là đi bốn phương) vẽ năm Cảnh-hưng thứ 2, 1741. Trong sách này, bãi cát ấy mang tên *Tràng-sa* và trên hình nó có thêm ba chữ *Quá nhất-nhật*, nghĩa là đi đến đó phải hơn một ngày. Hình đảo ở xa ngoài bề. Giữa khoảng bề từ cửa *Sa-kì* (cửa sông Tam-kì) đến bãi *Tràng sa* có vẽ hình một đảo có núi đề tên *Du-tràng sơn* (viết lầm ra

chữ Trảng là dài, chính phải viết chữ Trường là xương, là nhà...) G. Dumoutier đã vẽ lại trong sách *Étude sur un Portulan Annamite du XV siècle* một bản-đồ tuy cùng gốc với sách nói trên, nhưng có nhiều chi tiết hơn Bức XIX có vẽ bãi cát đề tên *Bãi Cát-vàng*, và đảo *Du-trường* nhưng chữ Trường lại lầm ra chữ Ái vì tự-dạng (trong sách này còn có khá nhiều chữ lầm như vậy: trong bức này, huyện Mộ-hoa đã lầm ra Qui-hoa vì tự-dạng). Đảo *Du-trường* này chắc là Cù-lao Ré ngày nay, thuộc phường *An-vĩnh* phụ-trách việc *Đội Hoàng-sa*, mà tên nôm là *Cát-vàng* (theo Tabert thì gọi là *Côn-Vàng*). Bản *Giáo châu-chí*, cũng của H. Maspero để lại, là do tay tiến-sĩ Nguyễn Tông vẽ, có bức đồ *Quảng-nam xứ* (đời Lê) với hình *Bãi Cát-vàng* ở xa ngoài khơi (trang 19b).

Xét các bức đồ ấy, thì ta chắc rằng trong ý địa-đồ-gia xưa, *Đại-Trảng-sa* hay là *Bãi Cát-vàng* đều trở quần đảo Trảng-sa hoặc Hoàng-sa hoặc Vạn-lý Trảng-sa mà người Âu gọi là *Parcel* hay *Paracel*. Và trong các địa đồ của Âu-châu đang thời khi vẽ *Paracel* cũng vẽ như một bãi cát rất dài chắn trước hải-phận phần giữa nước ta.

Sách *Hồng-đức bản-đồ* xuất bản ở Sài-gòn năm 1963 cũng chỉ là một toàn-tập những địa-đồ nước ta đến cuối đời Lê. Nhân tiện, xin mách một sự lầm trong sách ấy về tên vị đốc suất *Đoan quận-công* sai vẽ bản *Giáp-ngọ niên Bình Nam đồ*. Đó không phải là Nguyễn Hoàng như chú-thích ở trang 139 đã ghi. Ấy là *Bùi Thê-Đạt*, làm đốc-suất coi trấn *Nghệ-an* năm *Giáp-ngọ 1774* (*Đại Việt Sử-kí Tục-biên*). Vậy những bức đồ này vẽ năm ấy. Tuy ở trang 149 có vẽ bãi, trên đề : *Đại Trảng-sa di hạ*, nhưng hình như chỉ muốn nói bờ bãi từ cửa sông *Thu-bồn* đến cửa sông *Tam-kì* mà thôi.

Lại có sách *Thuận-hóa Quảng-nam địa-đồ Nhật-trình* nối sau bản *Giáo châu-chí*. Về bãi Trảng-sa, vẽ ở ngoài xã *Du-trường* (cù-lao Ré), có đề : « Bãi Trảng-sa hành nhị nhật. Tam tổng cư thử, đa điền sản », nghĩa là : đây là bãi Trảng-sa, đi hai ngày ; ba tổng ở đó ; có nhiều vật ở ruộng sinh ra. Hoặc giả phải đọc *Hải-sản* thay *Điền-sản* chăng ? Còn nói đến ba tổng thì ý ra sao. Hoặc có tổ-chức Hoàng sa chia ra làm ba tổng chăng ?

Kết-luận về các bản đồ trước đời *Gia-long* cho biết rằng « Bãi » Trảng-sa, hoặc *Cát-vàng* được coi là phần quan-trọng của đất Việt.

Đời *Gia-long*, tháng giêng năm Ất-hợi 1815, sai *đội Hoàng-sa* là *bọn Phạm Quang-Ảnh* ra đảo *Hoàng-sa* thăm dò đường bề (*Đại-Nam Thập-lục Chính-biên* đệ nhất kì, quyển 50). Ý chừng bấy giờ, thấy các người Tây-dương chiếm các đất chung quanh bề *Đông*, cho nên triều Nguyễn

đã sai đội Hoàng-sa ra đó để biểu-thị bản quyền về Việt-nam.

Trong tờ báo của *Á-châu hội* của người Anh tại xứ Bengale, linh-mục Tabert đã có viết bài dài về Việt-nam trong hai số báo, số 6 và số 7. Về Hoàng-sa, nguyên-văn bằng Anh-ngữ như sau :

Pracel or Paracels (Cồn vàng)

Although this kind of archipelago presents nothing but rocks and great depths which promises more inconveniences than advantages, the king Gia-Long thought he had increased his dominions by this sorry addition. In 1816, he went with solemnity to plant his flag and take formal possession of these rocks, which it is not likely anybody will dispute with him

(Note on the geography of Cochinchina by the Right Rev. Jean Louis, Bishop of Isauropolis. Vic. apost. of Cochin China — *The Journal of The Asiatic Society of Bengal*, Vol. VI, page 745)

Dịch nghĩa : Pracel hoặc Paracels (Cồn Vàng). Tuy rằng cái thứ quần-đảo này không có gì ngoài đá tảng và những cồn lớn nó hứa hẹn nhiều bất-tiện hơn lợi, vua Gia-long đã nghĩ tăng lãnh-thò bằng cách chiếm thêm cái đất buồn-bã này. Năm 1816, ông đã tới long-trọng cắm cờ ông và chính-thức giữ chủ-quyền các hòn đá này, mà hình như không một ai tranh giành với ông.

Trong bài *Geography of the Cochinchinese empire* đăng trong tập-san *Journal of the Geographical Society of London*, Gutzlaff có chép khá dài về Hoàng-sa. Nguyên-văn như sau :

« We should not mention here the Paracels (Katvang) which approach 15-20 leagues to the coast of Annam, and extend between 15-17 N. lat. and 111-113 E. longitude, if the King of Cochinchina did not claim these as his property, and many isles and reefs, so dangerous to navigators. Whether the coral animals or other causes contribute to the growth of these rocks we shall not determine ; but merely state that the islets rise every year higher and higher, and some of them are now permanently inhabited, through which the waves, only a few years ago, broke with force. They would be no value if the fisheries were not very productive, and did not remunerate all the perils of the adventurer. From time immemorial, junks in large number from Haenan, have annually visited all these shoals, and proceeded in their excursions as far as the coast of Borneo. Though more than ten per cent are annually wrecked, the quantity of fish taken is so great as to ensure all loss, and still leave a very good profit. The Annam government, perceiving the advantages which it might derive if a toll were raised, keeps revenue cutters and a small garrison on the spot to col-

lect the duty on all visitors, and to ensure protection to its own fishermen. A considerable intercourse has thus gradually been established, and promises to grow in importance on account of the abundance of fish which come to these banks to spawn. Some isles bear a stunted vegetation, but fresh water is wanting; and those sailors who neglect to take with them a good supply are often put to great straits.

(vol. the 19th — 1849 — page 93)

Dịch nghĩa :

Đây chúng tôi đáng lẽ kể đến quần-đảo Cát-Vàng nó ở gần bờ biển An-nam 15 dặm 20 dặm v' lan giữa các vĩ-tuyến 15 và 17 độ Bắc, và các kinh-tuyến 111 và 113 độ Đông, nếu Vua xứ Cochinchina đã không đòi quần-đảo ấy là của mình, với nhiều đảo và ghềnh rất nguy-hiêm cho người hàng-hải. Tôi không biết vì sao họ sợ vì lẽ khác mà các ghềnh đá ấy lớn dần; nhưng rõ-ràng nhận thấy rằng các đảo nhỏ ấy càng năm càng cao, và một vài cái bây giờ đã có người ở vĩnh-viễn, thế mà chỉ mấy năm trước sóng đã vỗ mạnh dập qua. Những đảo ấy đáng lẽ không giá-trị nếu nghề chài ở đó không phồn-thịnh và không bù hết mọi nguy-nan cho kẻ phiêu-lưu. Từ lâu đời, những thuyền, phần lớn từ Hải-nam tới, đã hằng năm đến thăm các bãi nổi này và tiến-hành cuộc viễn-du xa xa đến tận bờ đảo Borneo. Tuy rằng hằng năm hơn phần mười bị đắm, nhưng cá đánh được rất nhiều, đến đôi không những bù hết mọi thiệt thòi, mà còn để lại món lợi rất to. Chính-phủ An-nam thấy những lợi có thể mang lại nếu một ngạch thuế đã đặt ra, bèn lập ra những trung-thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế mà mọi người ngoài tới đây đều phải trả, và để bảo-trợ người đánh cá bản-quốc. Vậy nên một cuộc giao-dịch lớn được dần-dà gây nên và có cơ bành-trướng nhờ sự có rất nhiều cá tới trên các bãi này để trướng. Một vài đảo có cây-cối cần-cối, nhưng thiếu nước ngọt; và những thủy-thủ nào quên mang theo nước trữ đầy đủ, thường bị lâm vào cơn khổn-đốn lớn.

(Trích tập-san Á-châu-hội tại London năm 1849)

J. B. Chaigneau (Nguyễn văn Thắng) đã ghi lại chuyện vua Gia-Long khẳng-định bản-quyền trên quần-đảo Hoàng-sa. Nguyễn-văn bằng Pháp-ngữ như sau :

La Cochinchine dont le souverain porte aujourd'hui le titre d'empereur, comprend la Cochinchine proprement dite, le Tonquin, une portion du Royaume de Cambodge, quelques isles habitées peu éloignées de la cote et l'archipel de Paracel, composé d'ilots d'écueils et de rochers inhabités.

C'est seulement en 1816, que l'empereur actuel a pris possession de cet archipel.»

(Le mémoire sur la Cochinchine par J.B. Chaigneau)
Bulletin des Amis du Vieux Hué, No 2, 1923, page 257

Lời dịch: Nước Cochinchine mà vua bây giờ lấy hiệu Hoàng-đế gồm xứ Cochinchine thật-hiệu, xứ Đông-kinh, một phần xứ Cao-mên một vài đảo có dân-cư không xa bờ bể và quần-đảo Paracel hợp thành bởi những tiểu-đảo, ghềnh, đá không dân-cư. Chỉ đến năm 1816, mà Hoàng-đế bây giờ mới lấy chủ-quyền trên quần-đảo ấy.

Đời Minh-mạng, triều-đình chú-tâm đến Hoàng-sa về phương-diện che-chó thuyền-mành và thủy-thủ trong hải-phận quần-đảo ấy. Thủy-thủ tất cả mọi nước khi qua Đông-hải đều rất sợ quần-đảo Hoàng-sa. Nhiều tàu bè bị cạn hoặc bị đắm trong vùng ấy. Eugène Chaigneau, cháu diệt Nguyễn Văn-Thắng (Jean Baptiste chương-cơ quản tàu Phi-long đời Gia-long) khi sang làm phó-lãnh-sự ở nước ta năm 1830 đi tàu Saint Michel bị đắm ở đó. Lời y kể (trích từ Le Consulat de France à Hué par H. Cordier, trang 127): « Khốn nỗi, tàu này đã đắm ngày mồng 9 tháng 8 năm 1830 trên ghềnh đá thuộc Paracels cách Tourane chừng 80 hải-lý (450 km)...».

Tháng 8 năm Quý-tị 1833 :

« Vua (Minh-mạng) bảo bộ Công rằng : « Trong hải-phận Quảng-ngãi, có một dải Hoàng-sa, xa trông trời nước một mầu, không phân-biệt được nông sâu. Gần đây, thuyền buôn thường (mắc cạn) bị hại. Nay nên dự-bị thuyền mành, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia, và trồng nhiều cây-cối. Ngày sau cây-cối to lớn xanh tốt, người ta dễ nhận biết, ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời ».

(Đ.N.T.L. Chính-biên Đề nghị kỉ quyền 104,
theo bản dịch nhả xuất-bản Khoa-học Hà-nội 1965
tập 13, trang 53)

Tháng ba năm sau 1834 :

« Sai giám-thành đội-trưởng Trương Phúc-Sĩ cùng thủy-quân hơn 20 người đi thuyền đến đảo Hoàng-sa thuộc tỉnh Quảng-ngãi vẽ bản-đồ. Khi trở về, vua hỏi về những thứ sản-vật ở đấy. Sĩ tâu : « Nơi này là bãi cát giữa bể, man-mác không bờ, chỉ có người nhà Thanh đi lại đánh cá bắt chim mà thôi ». Nhân đem dâng vua những thứ chim cá, ba ba, ốc, sò ngao, đã bắt được ở nơi đó, đều là những vật lạ ít thấy.

« Vua vời thị-thần đến xem và thưởng những người đi về, tiền bạc, có khác nhau. »

(Sách trên, quyền 122, bản dịch quyền 14, trang 189)

Vua Minh-mệnh muốn xây miếu thờ thần bễ ở Hoàng-sa phải đợi đến năm sau mới thi-hành được. Một sự ngạc-nhiên là phát-giác rằng trước đã có miếu, có bia rồi. Sách ĐNTL chép : về tháng 6 năm Ất-mùi :

« Dựng đền thờ thần (ở đảo) Hoàng-sa 黄沙 thuộc Quảng-ngãi. Hoàng-sa ở hải-phận Quảng-ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây-cối xanh um. Giữa cồn cát có giếng, phía tây-nam có miếu cò, có tấm bài khắc bốn chữ VẠN LÍ BA BÌNH (萬里波平).

« Chú-thích : Cồn Cát-trắng chu-vi 1070 trượng (5 cây-số), tên cũ là núi Phật-tự 佛寺. Bờ đông, tây, nam, đều đá san hô, thoai thoai uốn quanh mặt nước. Phía bắc giáp với một cồn toàn đá san-hô sừng-sừng nổi lên, chu-vi 310 trượng (1 cây-số rưỡi), cao một trượng ba thước (6, 11 mét), ngang với Cồn Cát. Tên gọi là Bàn-than thạch 盤灘石.

« Năm ngoá, vua toan dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, bỗng vì sóng gió không làm được. Đến đây, mới sai cai-đội thủy-quân là Phạm Văn-Nguyên đem lính thợ giám-thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng-ngãi, Bình-định chuyên-chở vật-liệu đến dựng miếu, cách tòa Miếu cò 7 trượng (33 mét). Bên tả Miếu, dựng bia đá, phía trước miếu xây bình-phong. Mười ngày làm xong, rồi về. »

(Sách trên quyền 154, bản dịch quyền 16, trang 309)

Sách Đại-nam Nhất-thống chi quyền Tỉnh Quảng-nghĩa chép khá dài về đảo Hoàng-sa, đại-đề lặp lại những chi-tiết đã thấy trong Hoàng Việt địa-dư chí và Đại-nam Thất-lục, nhưng cũng có cho biết thêm một vài điểm : một là Hoàng-sa cũng gọi là Hoành-sa, 橫沙 nghĩa là bãi bễ chắn ngang ; hai là : « Năm Minh-mệnh thứ 16 (tức là 1835, xem trên), sai thuyền công chở gạch đá đến đấy xây đền, dựng bia đá ở phía tả đền để ghi dấu và tra hột các thứ cây ở ba mặt tả, hữu và sau. Binh-phu đắp nền miến đào được lá đồng và gang sắt có đến hơn hai nghìn cân (1, 3 tấn) ».

(Bản dịch Viện Sử-học Hà-nội 1970, quyền 2, trang 370)

Về những biến-cổ liên-quan đến quần-đảo Hoàng-sa về thời Pháp-thuộc và sau vụ đại chiến-tranh 1939-1945, giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham đã trình khá tường trong bài Lịch-sử hai quần-đảo Trường-sa và Hoàng-sa.

Cuối cùng tôi xin mách một bút-kí cảm-tưởng sợ-hãi của thủy-thủ Việt đối với Hoàng-sa trong khi vượt bề.

Năm 1832, một sai-nhân Việt đi tàu sang Phi-luật-tân, xuýt bị cạn ở Hoàng-sa. Ấy là *Lí Văn-Phúc* một văn-nhân rất có tiếng đời Minh-mệnh. Ông đã ghi cảm-tưởng kinh-khủng khi thấy bóng bãi cát ấy trong bài tựa và bài thơ đề : *Vọng kiến Vạn-lí tràng-sa tác*. Bài tựa rằng :

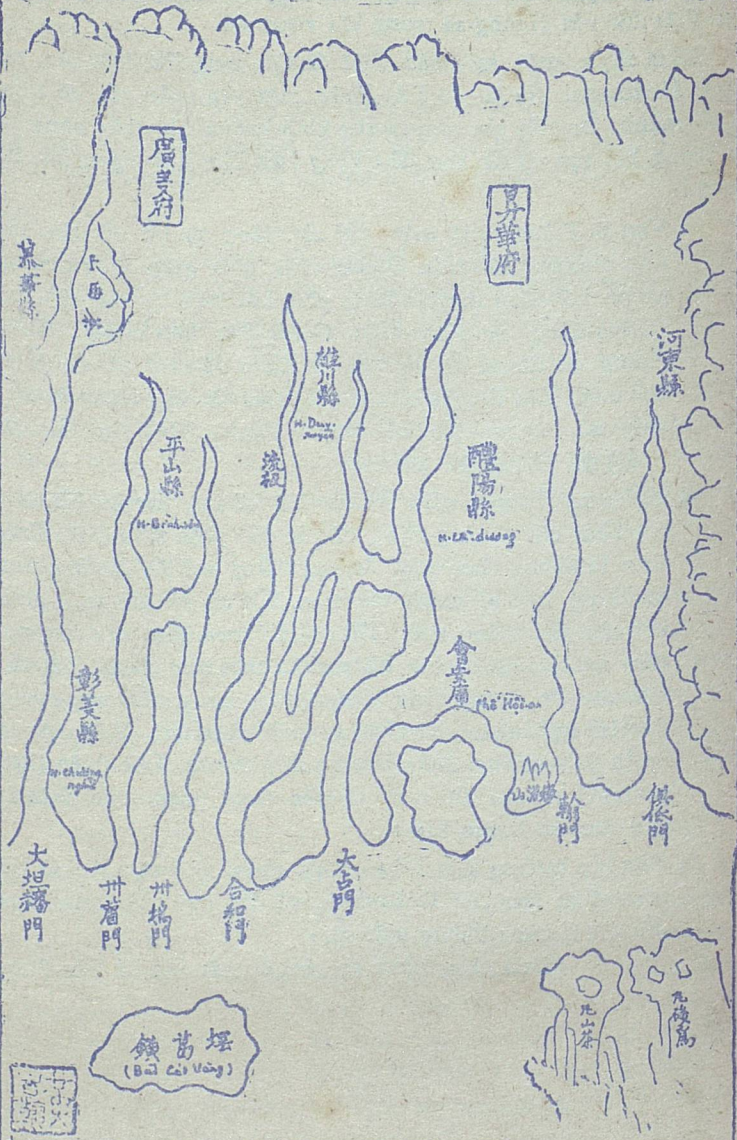
« Vạn-lí Tràng-sa là một dải cát trắng từ bề nổi lên, phía tây tiếp dương-phận trấn Quảng-ngãi, phía giáp đông dương-phận nước Lữ-tống (Lư-xông), phía bắc tiếp dương-phận các tỉnh Quảng-đông và Phúc-kiến. Giãng-dặc kéo ngang, không thể lường đo đợc. Ấy là chỗ rất hiểm-đệ-nhất có tiếng từ xưa đến nay. Tàu thuyền qua đó, thường thường kiêng dè sợ không thấy nó. Ấy vì chân bãi cát ra rất xa. Một khi lằm (đi đụng phải) thì không thể trở lại.

« Ngày 14 tháng 5 năm Nhâm-thìn (1832), thuyền (Định tường) rời khỏi cõi Quảng-ngãi, đã vào hải-phận trấn Bình-định. Tru tính là không lằm, một đường thẳng vo, lấy hướng kim Mão-ất (đông, hơi xế nam) mà tiến. Không dè gió trái, nước xiết, con thuyền không tiến. Thành-linh trưa hôm sau, ngóng trông thấy nó. Sắc cát lơ mờ, khắp chân trời đều trắng. Tất cả người trên thuyền, trọng lòng bưng-bùng, nước mắt rung-rung. Trên thuyền, ngoảnh hỏi đà-công (người cầm lái). Y là một tay lão-luyện *Tây-dương*. Nó nói rằng : lấy thước Đạc-thiên (lục-phân, sextant) mà đo thì may thuyền chưa phạm vào chân bãi cát, còn chuyễn buồm kịp ».

« Bèn lấy hướng kim Dậu (Tây), nhắm Quảng-ngãi mà lùi. May nhờ phúc lớn của Triều-đình, về đến cửa bề Thái-cần mà tạm đỗ. Cuối cùng không việc gì. »

(*Sách Đông hành thi thuyết thảo* của Lí Văn-Phúc)

廣南三處府

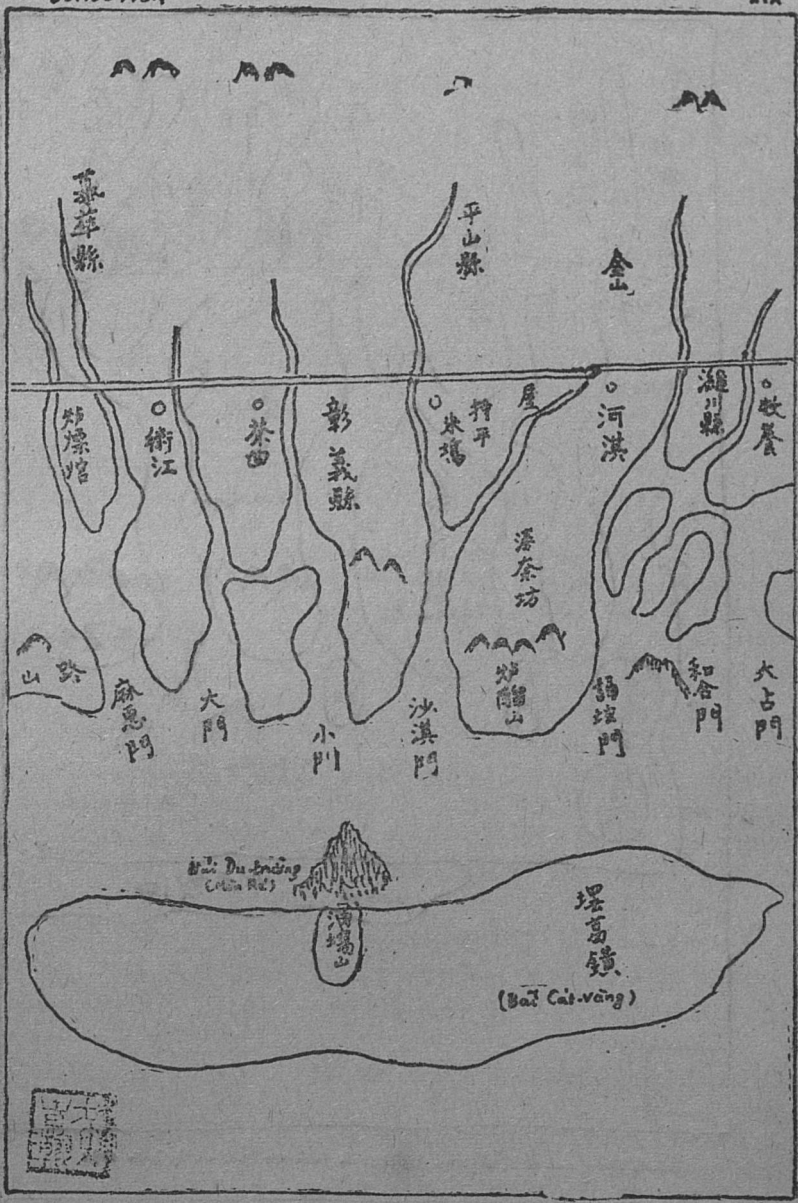


歸仁府

廣美府

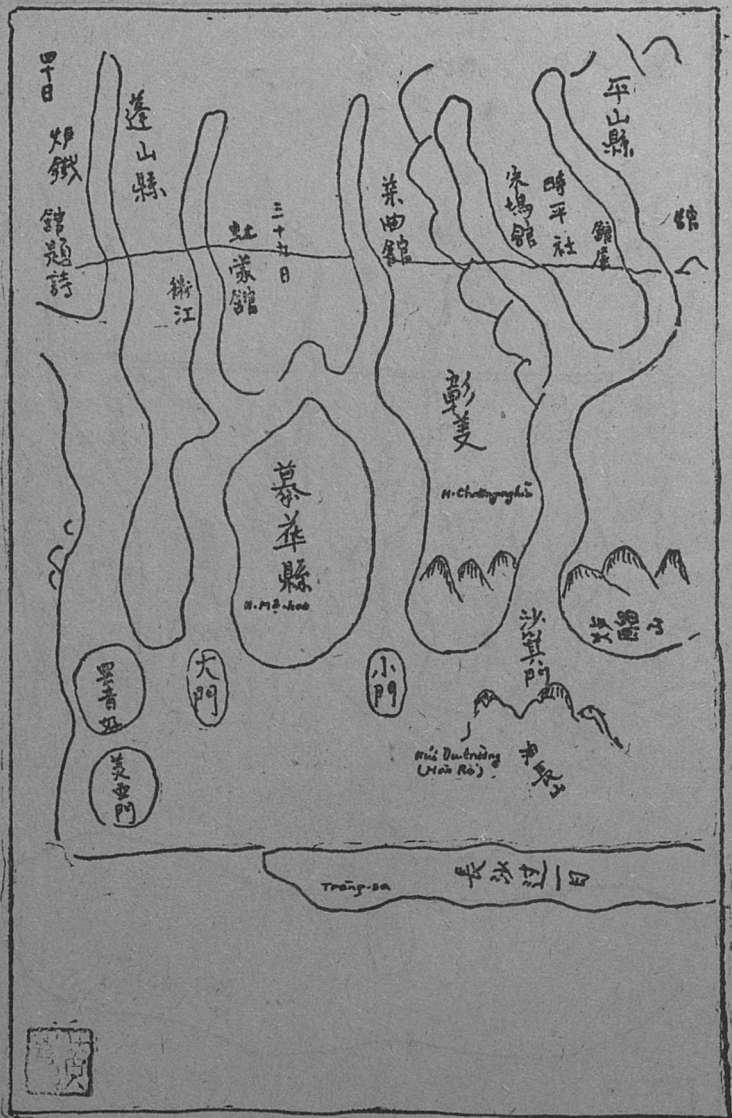
夏才華府

出文外志明命十年己丑刊進士吳安香製學校沈標于寫本



Bản đồ đường qua Quảng-nam đời Lê, theo bản vẽ của Dumontier

纂集天雨路圖景與二年抄本



Chú thích đường qua núi Quảng-tram đê Lũ, theo Thiên-nam địa-lý và lịch sử năm 1794

Chú thích của tòa soạn: Đây là phần phụ đính của bài « Đứng Ba Trăm Năm Trước », Sử Địa đã yêu cầu Hoàng Tiên Sinh để lại phần phụ đính này đăng vào số báo đặc khảo về Hoàng Sa này.